

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Đầu tư PV2

Ngày 15/01/2024	<b>2,600 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

**DT thuần**  
Q4/23

**0**  
tỷ VNĐ

**LN thuần**  
Q4/23

**-3.08**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.43 | -192%  
YoY: ▼2.03 | -193%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**-3.08**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.43 | -192%  
YoY: ▼2.03 | -193%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**ROE**  
2023

**3.5%**

YoY: +/-▲ 5.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	1,900 - 4,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	94,085
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.73
EPS	228
P/E	11.9

**DT thuần**  
2023

**0**  
tỷ VNĐ

**LN thuần**  
2023

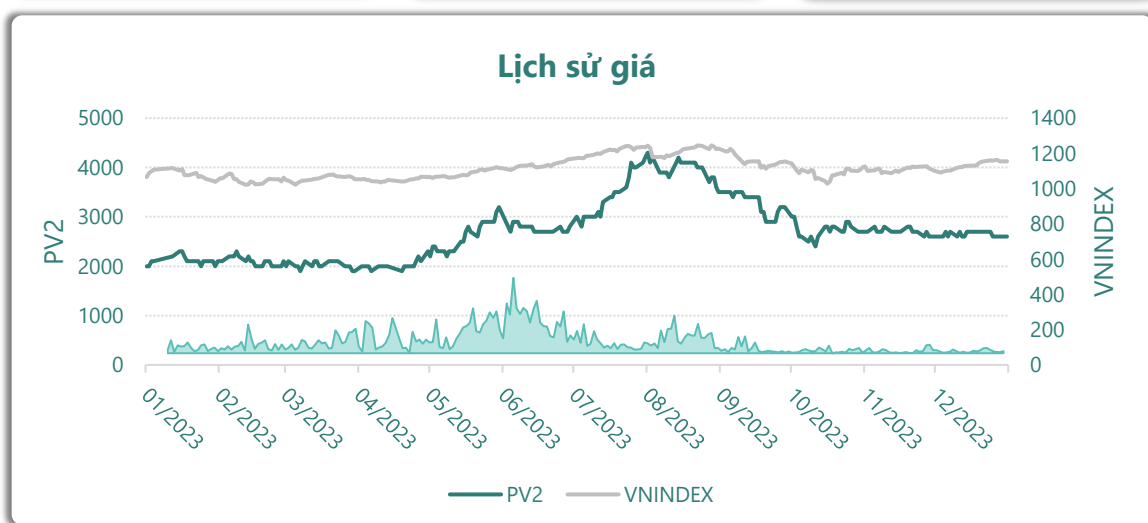
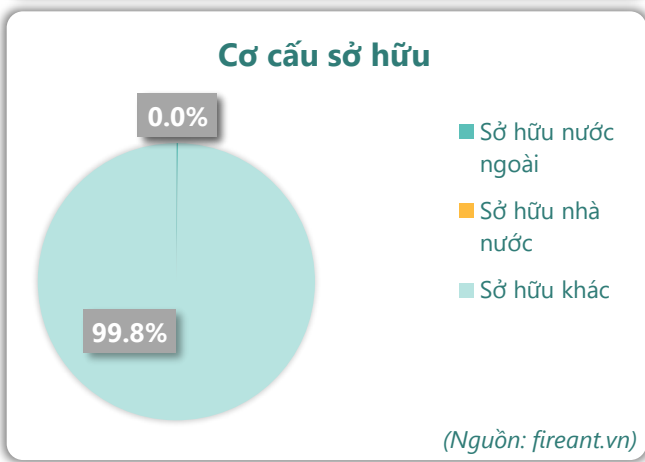
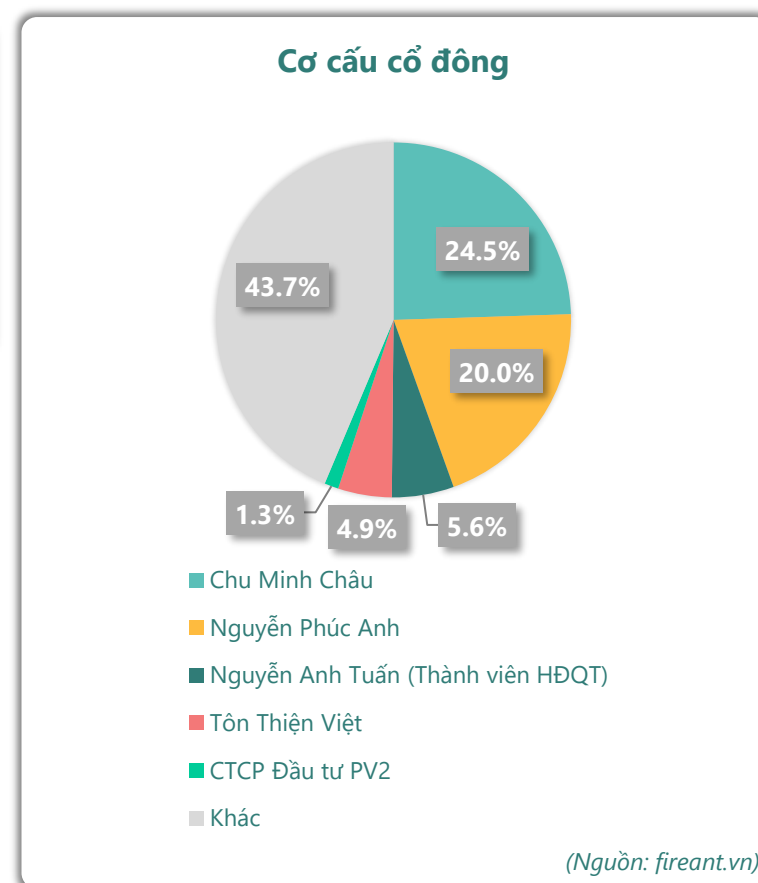
**8.40**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.9 | 286%

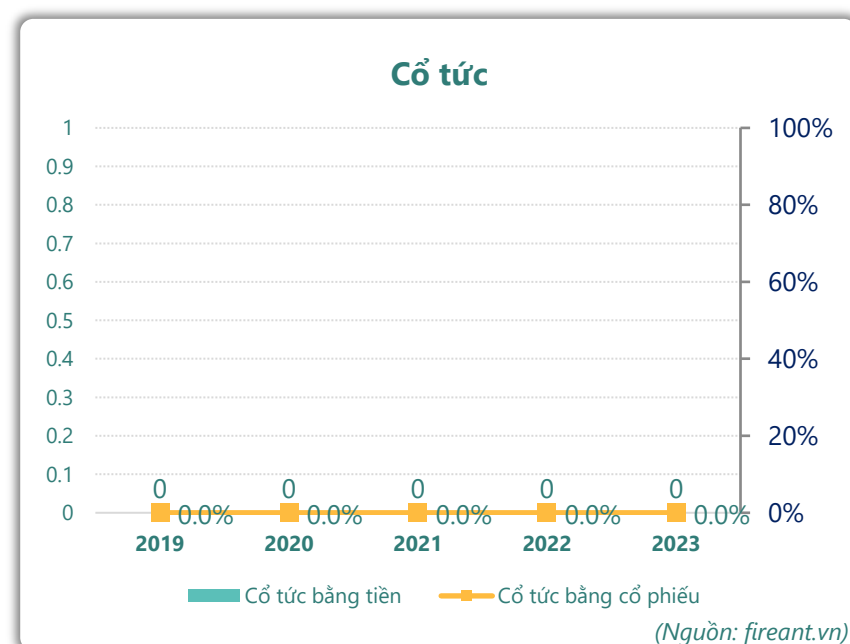
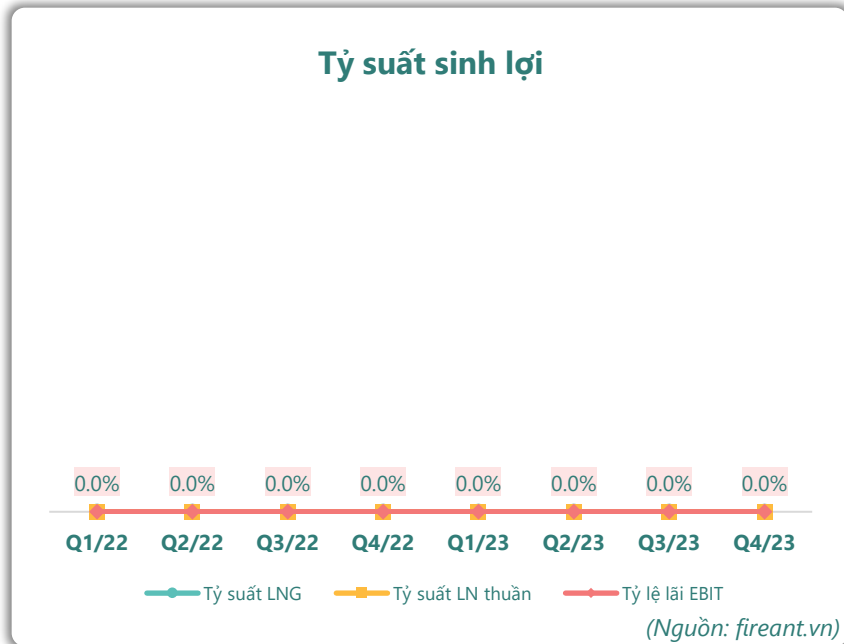
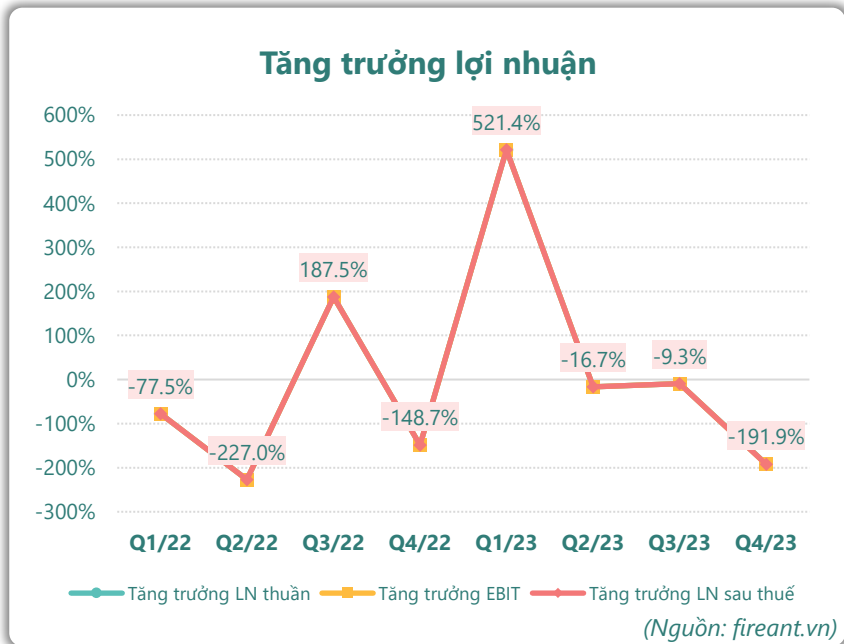
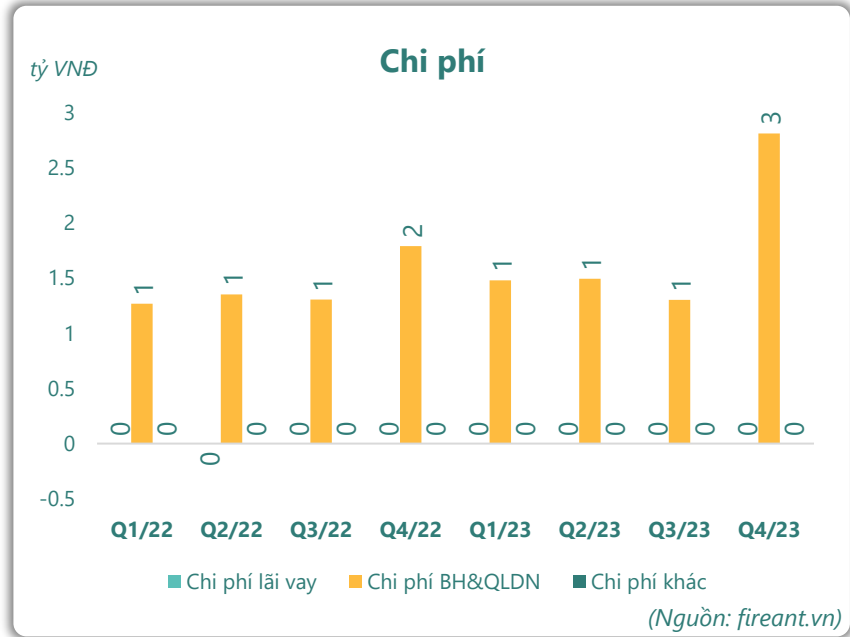
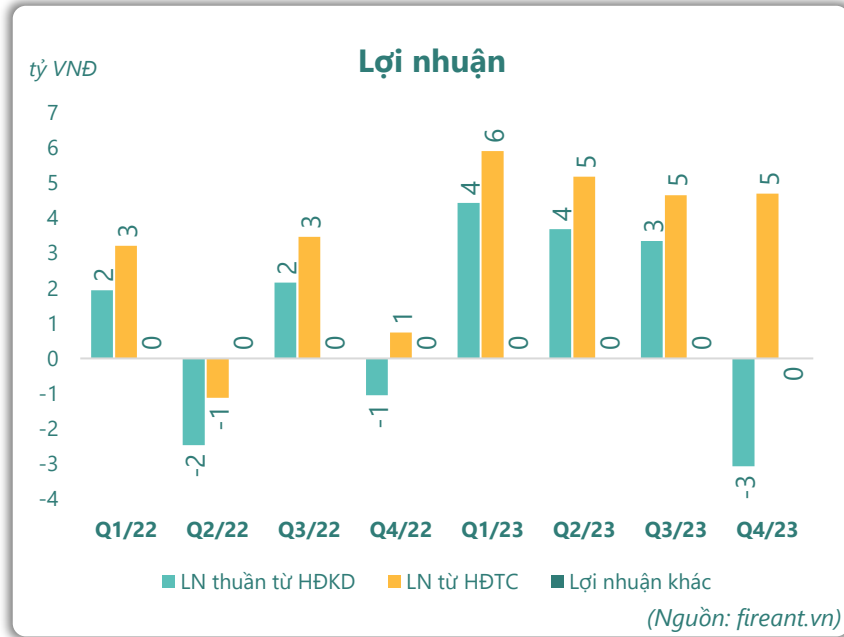
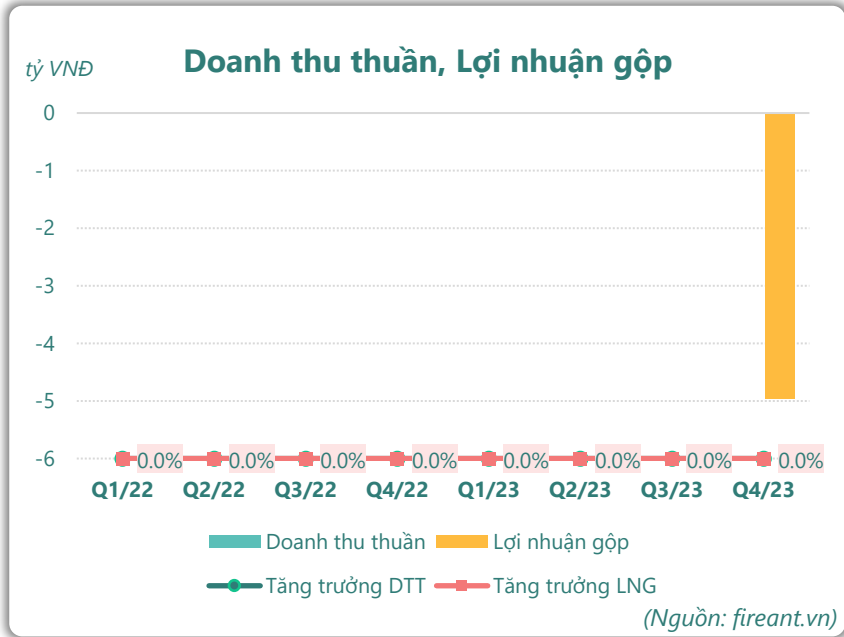
**LN sau thuế**  
2023

**8.39**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.9 | 286%



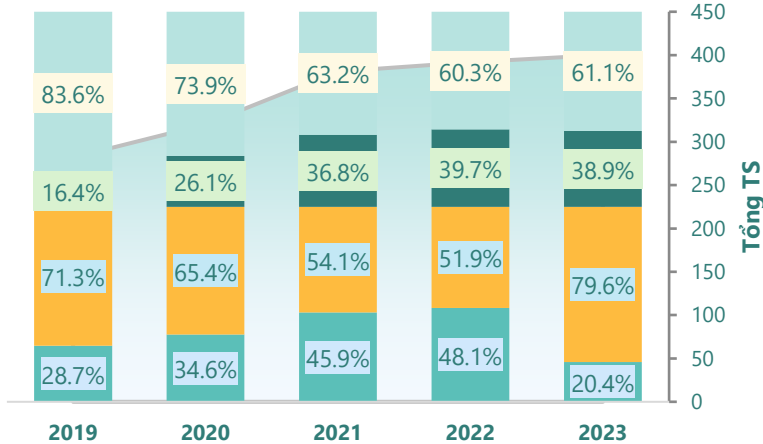
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

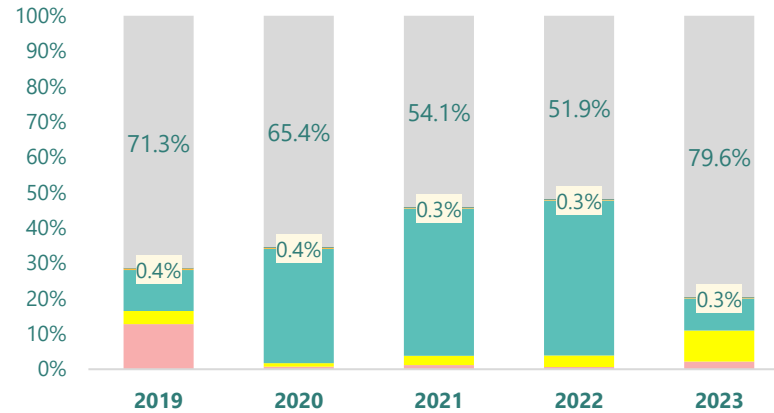
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản 
 ■ TS ngắn hạn 
 ■ TS dài hạn 
 ■ Nợ phải trả 
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

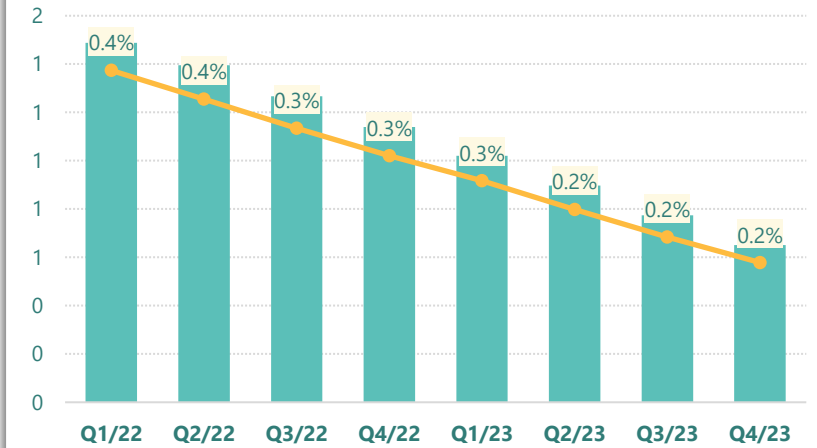


■ Tiền và tương đương tiền 
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn 
 ■ Phải thu ngắn hạn 
 ■ Hàng tồn kho 
 ■ Tài sản ngắn hạn khác 
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

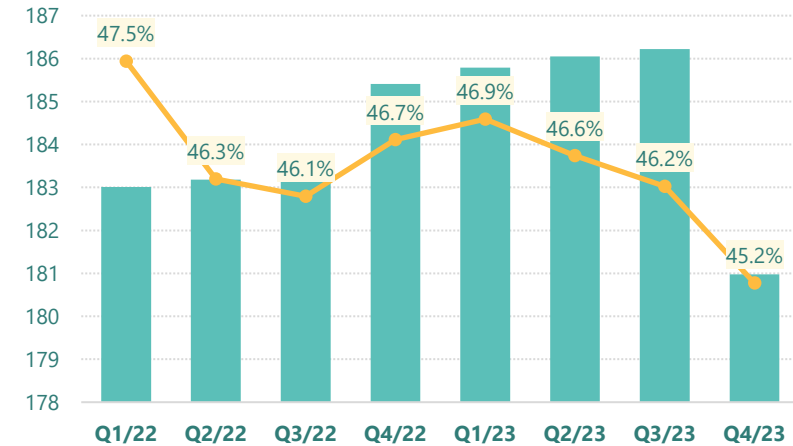


■ Tài sản cố định 
 —●— TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

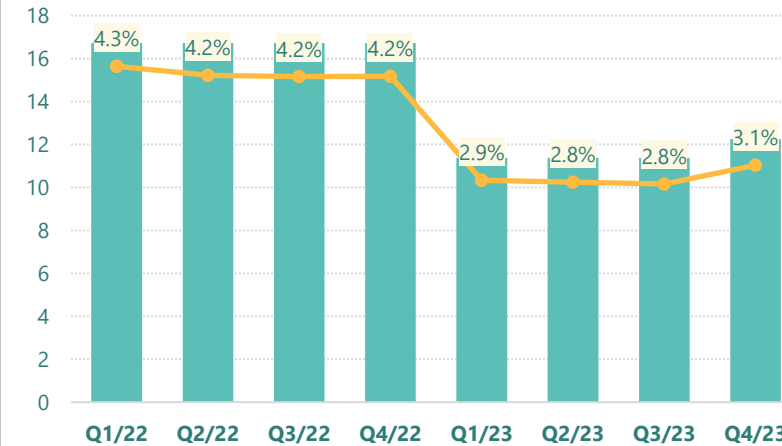


■ Tài sản dở dang 
 —●— TSDĐ dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

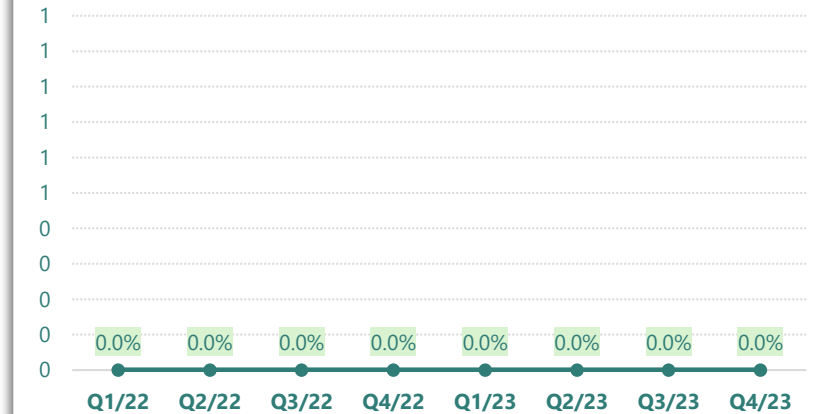


■ Đầu tư tài chính dài hạn 
 —●— ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

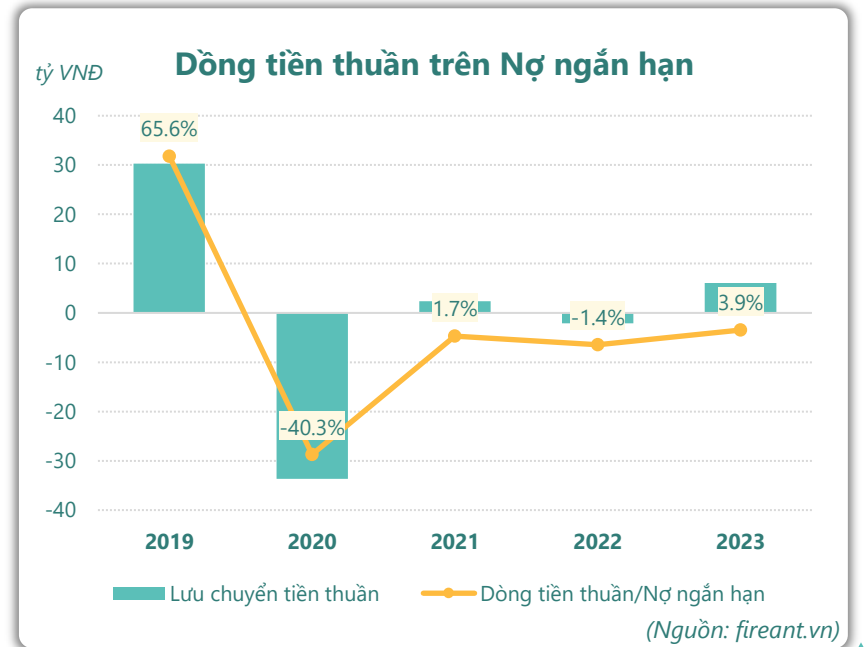
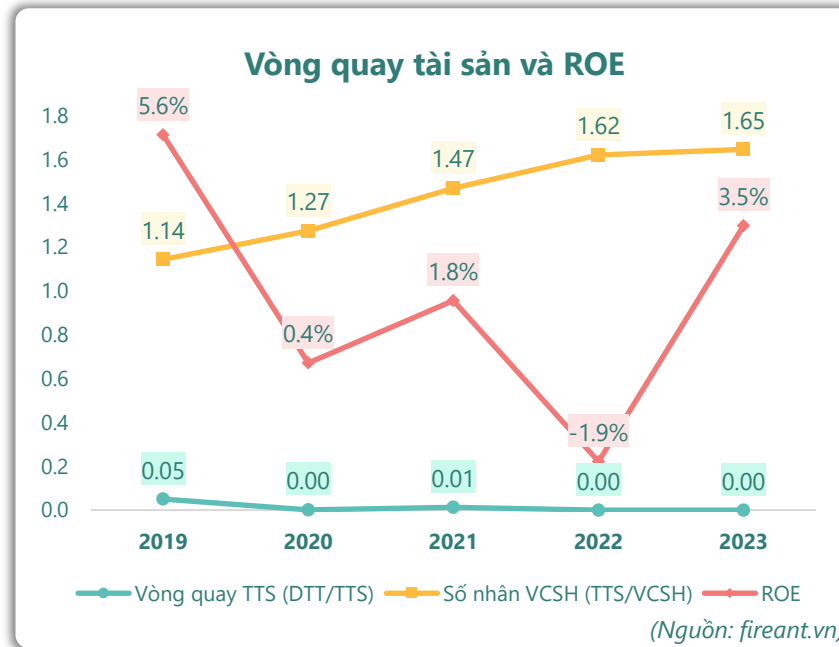
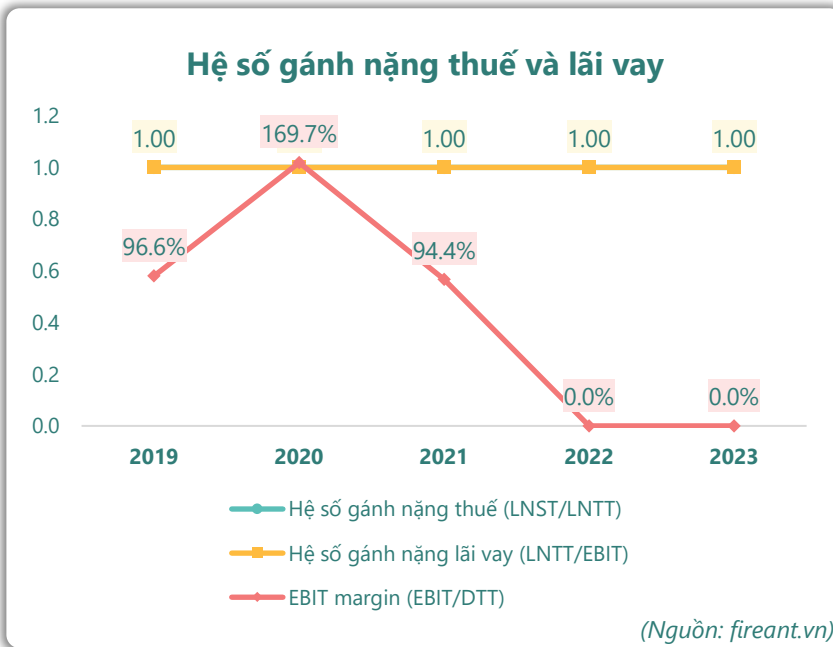
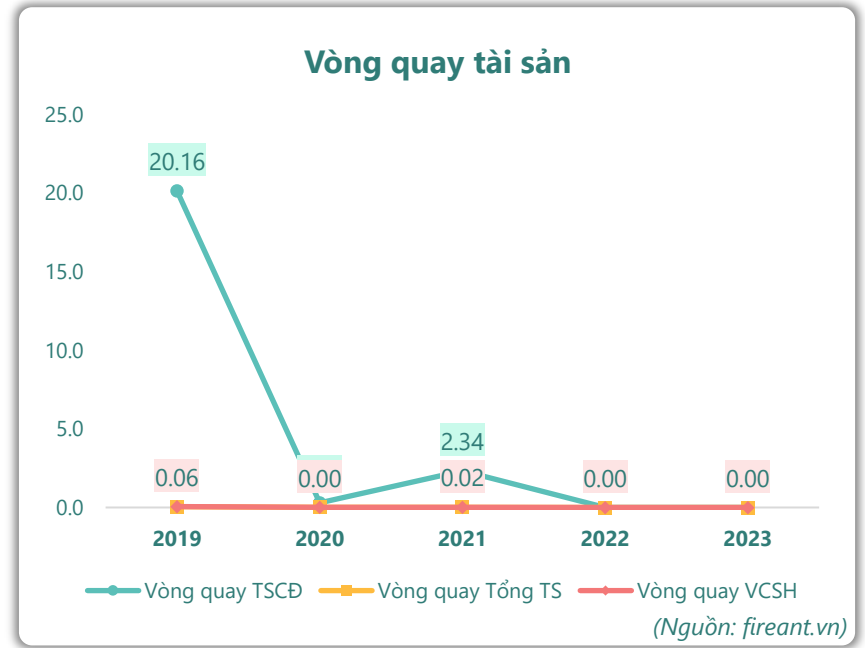
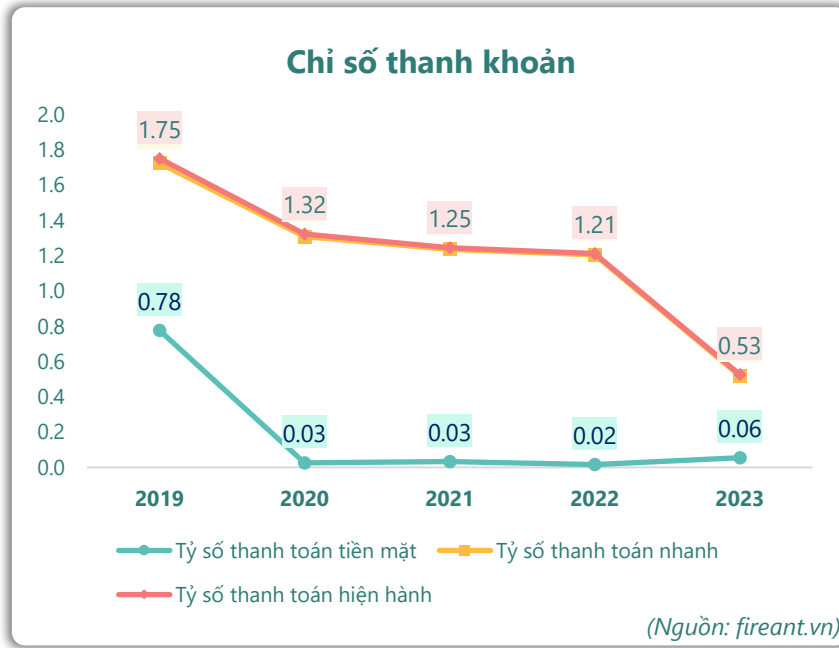
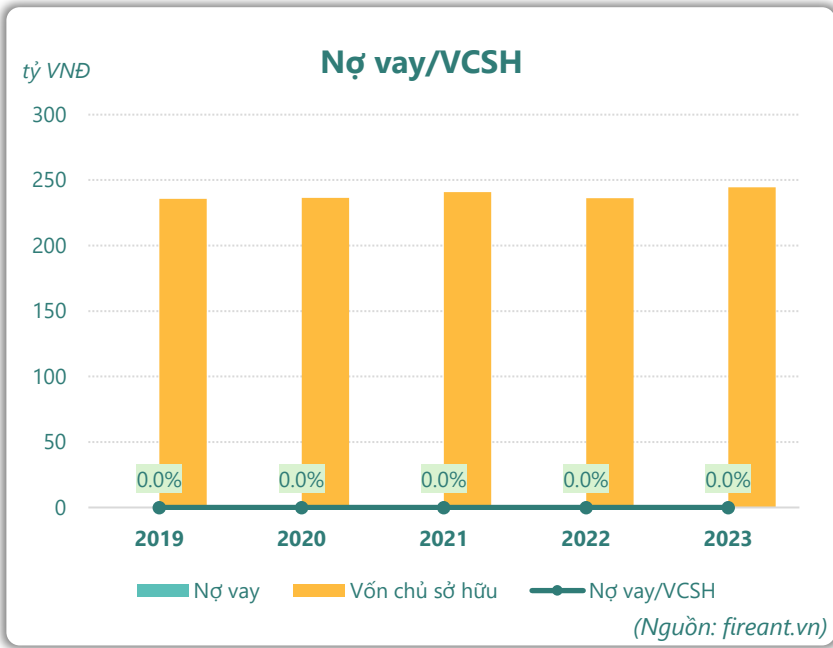
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn 
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn 
 —●— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Giá vốn hàng bán	4.96	0.00		4.96	0	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>-4.96</b>	<b>0.00</b>		<b>-4.96</b>	<b>0</b>	
Doanh thu HĐTC	4.78	3.26	46.6%	16.3	15.9	2.1%
Chi phí TC	0.08	2.52	-96.7%	-4.17	15.0	-128%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	<b>2.82</b>	<b>1.79</b>	<b>57.3%</b>	<b>7.10</b>	<b>5.46</b>	<b>30.0%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>-3.08</b>	<b>-1.05</b>	<b>-193%</b>	<b>8.40</b>	<b>-4.51</b>	<b>286%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>		<b>0.00</b>	<b>0</b>	
<b>LN trước thuế</b>	<b>-3.08</b>	<b>-1.05</b>	<b>-193%</b>	<b>8.39</b>	<b>-4.51</b>	<b>286%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-3.08</b>	<b>-1.05</b>	<b>-193%</b>	<b>8.39</b>	<b>-4.51</b>	<b>286%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>-3.08</b>	<b>-1.05</b>	<b>-193%</b>	<b>8.39</b>	<b>-4.51</b>	<b>286%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.9	6.34	4.72	1.35	20.4	-30.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.6	-4.38	0.89	-3.24	-14.6	26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.28	0.53	2.48	8.09	6.20	12.0
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>-3.75</b>	<b>1.96</b>	<b>5.61</b>	<b>-1.89</b>	<b>5.80</b>	<b>-3.43</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.53	2.49	8.09	6.20	12.0	8.57

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>400</b>	<b>392</b>	<b>2.2%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>81.8</b>	<b>188</b>	<b>-56.6%</b>
Tiền và tương đương tiền	8.57	2.48	246%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.3	12.9	174%
Phải thu ngắn hạn	36.2	171	-78.9%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.48	9.3%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>318</b>	<b>203</b>	<b>56.7%</b>
Phải thu dài hạn	124	5.17	2307%
Tài sản cố định	0.65	1.14	-43.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	181	185	-2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.3	11.4	7.8%
Tài sản dài hạn khác	<b>0</b>	<b>0</b>	
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>155</b>	<b>155</b>	<b>0.1%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>155</b>	<b>155</b>	<b>0.1%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	0.03	-68.6%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>245</b>	<b>236</b>	<b>3.6%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>245</b>	<b>236</b>	<b>3.6%</b>
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)